

Số: 53/2018/QĐST-HNGĐ

P, ngày 24 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1971

Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1970

Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Chính sách xã hội V – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P**

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc K, chức vụ: Giám đốc làm đại diện theo ủy quyền theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của ngân hàng Chính sách xã hội V.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn T thống nhất thoả thuận giao con chung Lê Thanh T, sinh ngày 01/10/2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu T là được ở với mẹ). Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung Lê Thị Kim T, sinh ngày 06/4/1993 và Lê Thanh T, sinh ngày 18/3/1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Văn T và Ngân hàng Chính sách xã hội V – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P thống nhất thỏa thuận trả nợ vay trong thời kỳ hôn nhân như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 46.954.216đ (bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm mười sáu đồng) (tiền nợ gốc 43.000.000đ; nợ lãi 3.954.216đ); (Trong đó vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường số tiền 8.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 15/5/2018 là 1.214.236đ, theo mã món vay số NS 12140260 ngày 14/6/2013; Vay chương trình giải quyết việc làm số tiền 35.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 15/5/2018 là 2.739.980đ, theo mã món vay số 6600000709230609 ngày 23/12/2016) đã được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội V- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P với bà Nguyễn Thị Thu H.

Về thời hạn trả nợ:

+ Từ ngày 15/5/2018 đến ngày 14/6/2018, bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền 9.214.236đ (chín triệu hai trăm mười bốn nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng) vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường là dứt điểm (theo như khế ước đã ký kết).

+ Từ ngày 15/5/2018 đến ngày 14/12/2019, bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền 37.739.980đ (ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm tám mươi đồng) vay chương trình giải quyết việc làm là dứt điểm (theo như khế ước đã ký kết).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành 15/5/2018, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST và 1.173.000đ (một triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí DS-ST. Bà H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu: AA/2015 số: 0007931 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên. Do đó, bà H còn phải nộp tiếp số tiền 1.023.000đ (Một triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Phú Hòa;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Sơn